

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31-12-2021

*"V/v ly hôn, chia tài sản
khi ly hôn"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng .

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Linh và ông Nguyễn Trường Ca.

- Thư ký pH tòa: Bà Mạc Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở tòa nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm C khai vụ án HNGĐ thụ lý số 317/2021/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về “*ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1969 (*vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại pH tòa*) .

Địa chỉ: Khu dân cư số 12 TH, phường PL, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Khu dân cư số 12 TH, phường PL, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

+ Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1970 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu dân cư số 12 TH, phường PL, thành phố C, tỉnh Hải Dương (*vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại pH tòa*).

+ Ông Đoàn Trọng P, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị Hg, sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm 1, thôn ĐQ, xã NH, huyện TH, tỉnh Thái Bình (*vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn C trình bày như sau: Anh và chị Nguyễn Thị T quen biết, yêu nhau sau đó được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 30-12-1996 tại UBND thị trấn Phả Lại (nay là phường Phả Lại, thành phố Chí Linh). Sau khi

kết hôn anh chị về chung sống tại Phả Lại, Chí Linh. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và quan điểm làm ăn kinh tế. Một nguyên nhân khác là do chị T nghi ngờ anh không chung thủy. Vì việc này mà chị T đã ghen tuông cãi nhau âm ỉ với bạn bè anh, xúc phạm anh trước bạn bè và gia đình. Vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng hiện đã sống ly thân từ tháng 4-2019 đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn anh xin ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 17-02-1998 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 08-8-2003. Hai con chung hiện đã trên 18 tuổi, trưởng thành, khỏe mạnh nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng có các tài sản chung gồm 01 thửa đất tại khu dân cư số 12 phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, diện tích 170 m² có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng, trên đất có nhà 3 tầng cùng C trình phụ khép kín; 01 thửa đất nhận chuyển nhượng của anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị H với giá 540.000.000 đồng năm 2014 tại khu dân cư số 11 Phả Lại. Diện tích đất này có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đoàn Trọng P và bà Nguyễn Thị Hg. Năm 1999 vợ chồng anh chị Th, H nhận chuyển nhượng của ông P, bà Hg, sau đó lại chuyển nhượng lại cho anh chị. Các bên chuyển nhượng miệng với nhau chưa làm thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; 01 xe ô tô Vios hãng Toyota BKS 34A-06.84 đăng ký mang tên Nguyễn Văn C. Ngoài ra vợ chồng còn một số tài sản khác là xe máy, đồ dùng trong nhà, 02 số tiết kiệm với số tiền khoảng 380.000.000 đồng mang tên chị T. Từ khi kết hôn và trong suốt quá trình chung sống chị T buôn bán tại chợ, anh làm nghề lái xe, thu nhập anh chị ngang nhau do vậy anh C xác định nguồn gốc số tài sản trên là do vợ chồng anh cùng nhau đóng góp, xây dựng, C sức đóng góp là ngang nhau. Hiện tại anh không có chỗ ở và anh vẫn tiếp tục làm nghề lái xe nên anh đề nghị Tòa án chia đôi số tài sản trên, nguyện vọng của anh là được quản lý sử dụng diện tích đất tại thửa đất số 13 ở khu dân cư số 11, phường Phả Lại và 01 xe ô tô Vios hãng Toyota. Còn nhà, đất ở khu dân cư số 12 mẹ con chị T sinh sống ổn định nên sẽ tiếp tục giao cho chị T quản lý sử dụng, hai bên sẽ thanh toán phần chênh lệch cho nhau sau khi đối trừ. Còn số tiền tiết kiệm và 03 xe máy, đồ dùng sinh hoạt gia đình anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: Vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại bản tự khai ngày 16-11-2020 chị Nguyễn Thị T trình bày như sau: Chị và anh C tìm hiểu yêu nhau và đăng ký kết hôn tự nguyện như anh C trình bày. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018. Nguyên nhân chính là do anh C không chung Th với chị, kinh tế trong gia đình anh C để chị tự lo toan, tính toán không có trách nhiệm. Vợ chồng đã ly thân hơn 2 năm mặc dù vẫn sống chung nhà. Bản thân chị và hai bên gia đình cũng đã động viên để anh C thay đổi, vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị đề nghị tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nếu anh C vẫn đề nghị giải quyết ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung như anh C trình bày. Con chung Nguyễn Khánh Ly hiện đã trên 18 tuổi, trưởng thành khỏe mạnh chị không yêu cầu tòa án giải quyết. Còn đối với con chung Nguyễn Thị H, sinh ngày 08-8-2003 chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhà đất ở khu dân cư số 12 Phả Lại, Chí Linh và 01 xe ô tô Vios hãng Toyota BKS 34A-06.84. Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngày 28.12.2020 tòa án nhân dân thành phố Chí Linh thụ lý thêm yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng do anh Nguyễn Văn C khởi kiện. Chị T không đến tòa làm việc, không có quan điểm về việc giải quyết tài sản chung của vợ chồng. Tòa án tiến hành niêm yết các tài liệu tố tụng theo quy định của pháp luật.

Biên bản ghi lời khai của ông Nguyễn Tiến D (là bố đẻ của chị T): Ông bà trình bày điều kiện kết hôn của anh chị như anh C, chị T trình bày. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân nhưng ông bà không rõ nguyên nhân, gia đình đã động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Anh chị có 02 con chung. Tài sản chung của anh chị ông bà không biết. Việc anh C và chị T giải quyết ly hôn đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Biên bản ghi lời khai của anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị H: Năm 1996 chị T và anh C kết hôn với nhau và chung sống tại khu dân cư số 12 phường Phả Lại, thành phố Chí Linh. Quá trình chung sống anh C, chị T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân thì anh chị không biết. Năm 1999 anh chị có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Đoàn Trọng P và bà Nguyễn Thị Hg thửa đất có diện tích 82,6m². Lúc nhận chuyển nhượng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có phiếu thu tiền. Năm 2014 anh chị chuyển nhượng thửa đất trên cho anh C chị T với số tiền là 540.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng vì là anh em ruột trong gia đình nên hai bên không viết giấy tờ chuyển nhượng. Năm 2016 thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông P, bà Hg do đó anh chị vẫn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mục đích là để làm thủ tục chuyển nhượng cho anh C, chị T. Từ khi nhận chuyển nhượng đến nay anh chị là người nộp thuế đất. Thửa đất vẫn nguyên hiện trạng, không tôn tạo xây dựng C trình. Cuối năm 2020 anh C có đề nghị anh chị xác nhận việc chuyển nhượng thửa đất cho vợ chồng anh C, chị T, anh chị nhất trí và xác nhận đồng thời anh chị cũng giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị T quản lý. Nay anh chị xác định việc chuyển nhượng thửa đất giữa vợ chồng anh chị và anh C, chị T là tự nguyện đã hoàn thành, không có tranh chấp, anh chị cũng không yêu cầu anh C, chị T hoàn trả anh chị khoản tiền thuế đất đã nộp. Anh chị không còn quyền và nghĩa vụ đến thửa đất đó nên đề nghị Tòa án vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, pH họp và pH xét xử.

Biên bản ghi lời khai của ông Đoàn Trọng P và bà Nguyễn Thị Hg: Ông bà là công nhân công tác tại công ty xây dựng số 18 Phả Lại, Chí Linh. Năm 1999 ông bà được công ty cấp cho 01 lô đất tại thửa số 13 với diện tích 82,6m² tại thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh (nay là phường Phả Lại, thành phố Chí Linh) chưa được cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do nghỉ chế độ ông bà chuyển về Thái Bình sinh sống nên đã chuyển nhượng lại cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị H trú tại khu dân cư số 12, phường Phả Lại với giá 30.000.000đ, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không làm thủ tục chuyển nhượng qua chính quyền địa phương. Sau đó ông bà chuyển về Thái Bình sinh sống nên không biết năm nào thửa đất trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích bao nhiêu. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà tòa án thu thập trong hồ sơ mang tên vợ chồng ông bà được cấp ngày 23-9-2016 đúng là diện tích đất ông bà được giao và đã chuyển nhượng cho anh Th, chị H. Ông bà không biết việc anh Th, chị H lại tiếp tục chuyển nhượng diện tích trên cho anh C, chị T cho đến khi anh C xuống xin xác nhận. Ông bà xác định diện tích trên đã chuyển nhượng cho anh Th chị H, hai bên không có tranh chấp. Do vậy anh Th, chị H có toàn quyền quyết định. Do hiện nay ông bà ở xa, dịch bệnh đang phức tạp nên đề nghị Tòa án không triệu tập đến làm việc, xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp và phiên tòa.

Xác minh với trưởng khu dân cư số 12, phường Phả Lại cung cấp: Anh C và chị T kết hôn và chung sống tại khu dân cư số 12, Phả Lại. Anh chị mâu thuẫn khoảng 02 năm gần đây do chị T nghi ngờ anh C không chung Th và nhiều lần anh chị xảy ra xô xát với nhau dẫn đến việc anh chị sống ly thân hơn 1 năm nay. Anh chị có 02 con chung hiện nay con lớn đã trên 18 tuổi, con nhỏ đang ở với chị T. Tài sản chung địa phương không nắm được.

Xác minh với cán bộ địa chính phường Phả Lại cung cấp: Thửa đất số 48 tờ bản đồ số 21 theo bản đồ đo đạc năm 1993 thể hiện là thửa đất của Nhà máy nhiệt điện Phả Lại, theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2001 thửa đất có diện tích 174,5m², đăng ký tên Nguyễn Văn C. Ngày 14-12- 2011 thửa đất số 48 tờ bản đồ số 21 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn C và Nguyễn Thị T, diện tích 170m². Có sự chênh lệch diện tích đất là do trừ hành lang đường Quốc lộ 18. Đối với thửa đất số 13 tờ bản đồ quy hoạch chi tiết khu B theo sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đoàn Trọng P và bà Nguyễn Thị Hg được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23-9-2016, số vào sổ CH 06870 với diện tích 82,6m². Nguồn gốc thửa đất này do ông P, bà Hg mua trái thẩm quyền theo quyết định số 6099 ngày 24-12-2002 của UBND tỉnh Hải Dương về việc bán nhà kèm theo chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các cán bộ C nhân viên C ty xây dựng số 18 thị trấn Phả Lại, tại Lô số 13 thuộc xóm Bãi Bông 2 (khu B).

Biên bản định giá tài sản ngày 08 -09-2021 có nội dung: Thửa đất số 13 tờ bản đồ quy hoạch chi tiết khu B tại Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương là loại 1, nhóm A, vị trí I có giá 8.000.000 đồng/m² đất ở, hệ số điều chỉnh 1,0 = 660.800.000 đồng, giá thị trường là 700.000.000 đồng. Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 21, tại Phả Lại, Chí Linh là loại 2, nhóm A, vị trí 1 là 4.000.000 đồng/m² đất ở và vị trí 2 là 2.000.000 đồng/m² đất ở, 85.000 đồng/m² đất vườn = 344.205.000 đồng, giá thị trường là 1.462.000.000 đồng. Tài sản trên đất gồm nhà 02 tầng 01 tum có giá 476.316.000 đồng; 01 xe ô tô Vios hãng Toyota BKS 34A-06.84 mua năm 2013 có giá 258.630.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm P, Hội đồng xét xử, Thư ký pH tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 62 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung : Các con chung trên 18 tuổi, trưởng thành khỏe mạnh không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Xác định anh C, chị T có các tài sản chung gồm thửa đất số 13, tờ bản đồ quy hoạch chi tiết khu B tại phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, diện tích 82,6m² có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 717343 ngày 23-9-2016 mang tên ông Đoàn Trọng P và bà Nguyễn Thị Hg, trị giá 700.000.000 đồng; thửa đất số 48 tờ bản đồ số 21 tại phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, diện tích 170m² có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 186139 ngày 14/12/2011 mang tên Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị T, trị giá 1.462.000.000đ, trên đất có nhà 02 tầng trị giá 476.316.000đ ; xe ô tô Vios BKS 34A- 067.84 trị giá 258.630.000đ. Tổng giá trị tài sản chung là 2.896.946.000đ. Giao cho anh C được hưởng 50% giá trị khối tài sản chung = 1.448.473.000 đồng chia bằng hiện vật gồm thửa đất số 13 tờ bản đồ quy hoạch chi tiết khu B phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, trị giá 700.000.000 đồng, xe ô tô Vios BKS 34A-067.84, trị giá 258.630.000 đồng = 958.630.000 đồng. Giao cho chị T được hưởng 50% giá trị khối tài sản chung = 1.448.473.000 đồng được chia bằng hiện vật gồm thửa đất số 48 tờ bản đồ số 21 tại phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, trị giá 1.462.000.000 đồng, trên đất có nhà 02 tầng trị giá 476.316.000 đồng = 1.938.316.000 đồng. Chị T phải trả cho anh C số tiền chênh lệch tài sản là 489.843.000 đồng.

Anh C, chị T, ông P, bà Hg, anh Th, chị H có trách nhiệm hoàn thiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ quy hoạch chi tiết khu B theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Anh C phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 55.454.190 đồng án phí chia tài sản chung, chị T phải chịu 55.454.190 đồng án phí chia tài sản chung.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Anh Nguyễn Văn C tự nguyện nộp cả nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi ngH cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại pH toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn C khởi kiện xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thị T có địa chỉ cư trú tại khu dân cư số 12, Thái Học, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do chị T nghi ngờ anh C không chung Th, anh C không có trách nhiệm với gia đình. Mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng. Anh chị đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Anh C xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị T cũng thừa nhận vợ chồng không thể cùng chung sống. Anh C xin ly hôn, chị T đồng ý. Xét thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung hiện đều trên 18 tuổi, trưởng thành khỏe mạnh các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Chị T đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại tòa án nhưng chị không đến làm việc. Theo trình bày của anh C xác định vợ chồng gồm có các tài sản chung như sau: thửa đất số 13, tờ bản đồ quy hoạch chi tiết khu B tại phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, diện tích 82,6m² được UBND thị xã Chí Linh (nay là thành phố Chí Linh) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 717343 ngày 23-9-2016 mang tên ông Đoàn Trọng P và bà Nguyễn Thị Hg; thửa đất số 48 tờ bản đồ số 21 tại phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, diện tích 170m² được UBND thành phố Chí Linh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 186139 ngày 14-12-2011 mang tên Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị T trên đất có nhà 02 tầng; xe ô tô Vios BKS 34A- 067.84. Còn các tài sản khác như xe máy, đồ dùng sinh hoạt và tiền tiết kiệm anh C không yêu cầu giải quyết.

Về nguồn gốc hình thành tài sản xét thấy: Chiếc xe ô tô Vios BKS 34A- 067.84 được mua từ năm 2013, thửa đất số 48 tờ bản đồ số 21 diện tích 170m² tại phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2011 mang tên hai vợ chồng, trên đất có nhà 02

tầng cùng C trình phụ. Các tài sản này do anh C, chị T tạo ra trong thời kỳ hôn nhân nên xác định là tài sản chung của vợ chồng. Còn đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ quy hoạch chi tiết khu B tại phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, diện tích 82,6m² được UBND thị xã Chí Linh (nay là thành phố Chí Linh) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 717343 ngày 23-9-2016 mang tên ông Đoàn Trọng P và bà Nguyễn Thị Hg. Theo trình bày của anh C thửa đất trên được tạo lập trong quá trình anh chị chung sống và bằng thu nhập của cả hai vợ chồng. Những người quyền lợi liên quan là Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị H, ông Đoàn Trọng P và bà Nguyễn Thị Hg đều xác nhận. Ông P bà Hg đã chuyển nhượng diện tích đất trên cho anh Th, chị H. Chị H, anh Th xác nhận chuyển nhượng lại diện tích trên cho anh C, chị T. Mặc dù việc chuyển nhượng giữa các bên chưa làm thủ tục hợp pháp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nhưng các bên xác nhận việc đất đã giao, tiền đã nhận không có tranh chấp. Do vậy có căn cứ xác nhận thửa đất số 48, tờ bản đồ số 21 tại phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, diện tích 170m² là tài sản chung của anh C, chị T.

Anh C trình bày từ khi kết hôn anh làm nghề lái xe, chị T bán hàng ở chợ do vậy thu nhập của hai anh chị cũng như C sức đóng góp vào khối tài sản chung là như nhau, anh đề nghị được chia đôi số tài sản chung mỗi người hưởng 50% giá trị tài sản và chia tài sản bằng hiện vật.

Từ những căn cứ trên HĐXX có căn cứ xác định C sức của anh C, chị T đóng góp vào khối tài sản chung của vợ chồng bằng nhau nên cho anh C, chị T mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản. Tài sản chung của anh chị gồm quyền sử dụng diện tích 170m² tại thửa đất số 48 tờ bản đồ số 21 tọa lạc phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, trị giá 1.462.000.000đ; nhà 02 tầng trị giá 476.316.000đ; thửa đất số 13, tờ bản đồ quy hoạch chi tiết khu B tại phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương diện tích 82,6m² trị giá 700.000.000đ; ô tô Vios BKS 34A- 067.84 trị giá 258.630.000đ. Tổng giá trị tài sản chung là 2.896.946.000 đồng. Xét yêu cầu chia tài sản bằng hiện vật là phù hợp với thực tế do vậy HĐXX chấp nhận chia cho anh C, chị T bằng hiện vật.

Về giao hiện vật:

Chị T đang sinh sống ổn định tại nhà đất thuộc thửa số 48 tờ bản đồ số 21 tại phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên xét thấy tiếp tục giao cho chị sử dụng diện tích đất và nhà nói trên. Anh C hiện không có nhà ở có nguyện vọng đề nghị tòa án chia đất để xây nhà nên HĐXX sẽ giao cho anh sử dụng thửa đất số 13, tờ bản đồ quy hoạch chi tiết khu B tại phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đảm bảo quyền có chỗ ở cho anh C. Anh C làm nghề lái xe có nguyện vọng tiếp tục được giao xe để sử dụng do vậy có căn cứ để giao cho anh C sử dụng chiếc xe ô tô Vios BKS 34A- 067.84.

Giao cho anh C sử dụng toàn bộ diện tích 82,6m² tại thửa đất số 13, tờ bản đồ quy hoạch chi tiết khu B tại phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương trị giá 700.000.000 đồng và xe ô tô Vios BKS 34A- 067.84 trị giá 258.630.000đ. Tổng giá trị tài sản anh C được hưởng 700.000.000đ + 258.630.000đ = 958.630.000đ.

Giao chị T được sử dụng thửa đất số 48 tờ bản đồ số 21 tại phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, diện tích 170m² trị giá 1.462.000.000 đồng trên đất có nhà 02 tầng và tum trị giá 476.316.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chị T được hưởng 1.462.000.000đ + 476.316.000đ = 1.938.316.000đ.

Chị T phải trả phần chênh lệch tài sản cho anh C là 489.843.000đ.

Về các tài sản khác như xe máy, tiền tiết kiệm, đồ dùng gia đình... anh C tự nguyện không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Anh C tự nguyện nộp cả tiền lệ phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C được chấp nhận nên anh C phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 55.454.190 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản chung được phân chia, anh C đã nộp tạm ứng án phí 36.000.000đ nên còn phải nộp 19.454.190 đồng ; chị T phải chịu án 55.454.190đ phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản chung được phân chia theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật phí lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự, Luật phí lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử;

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C Xác định khối tài sản chung của anh Nguyễn Văn C và Nguyễn Thị T gồm thửa đất số 13, tờ bản đồ quy hoạch chi tiết khu B tại phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, diện tích 82,6m² trị giá 700.000.000 đồng ; diện tích đất thửa đất số 48 tờ bản đồ số 21 tại phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, diện tích 170m² trị giá 1.462.000.000đ, nhà 02 tầng trên đất trị giá 476.316.000đ và xe ô tô Vios BKS 34A- 067.84 trị giá 258.630.000đ. Tổng giá trị tài sản chung là 2.896.946.000 đồng.

Giao cho anh Nguyễn Văn C sử dụng toàn bộ diện tích thửa đất số 13, tờ bản đồ quy hoạch chi tiết khu B tại phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh

Hải Dương, diện tích 82,6m² trị giá 700.000.000 đồng và xe ô tô Vios BKS 34A- 067.84 trị giá 258.630.000đ. Tổng giá trị tài sản anh C được hưởng 700.000.000đ + 258.630.000đ = 958.630.000đ.

Giao chị Nguyễn Thị T được sử dụng diện tích đất thừa đất số 48 tờ bản đồ số 21 tại phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, diện tích 170m² trị giá 1.462.000.000 đồng, trên đất có nhà 02 tầng trị giá 476.316.000 đ. Tổng giá trị tài sản chị T được hưởng 1.462.000.000đ + 476.316.000đ = 1.938.316.000đ.

Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả phần chênh lệch tài sản cho anh Nguyễn Văn C số tiền 489.843.000đ.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Nguyễn Văn C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị T không thi hành số tiền nêu trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký biến động đất đai và tài sản gắn liền với đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung và các tài sản khác: Anh Nguyễn Văn C không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Anh C phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 55.454.190 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản chung được phân chia, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu sè AA/2017/0006657 ngày 19-10-2020 và số tiền tạm ứng án phí 36.000.000đ đó nộp theo biên lai thu sè AA/2017/0006657 ngày 19-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, anh C còn phải nộp 19.454.190 đồng án phí. Chị Nguyễn Thị T phải nộp 55.454.190đ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản chung được phân chia.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS TP. Chí Linh;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM P – CHỦ TỌA PH TÒA**

- UBND.P. Phả Lại, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Lê Thị Thu Hằng